

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HS-PT

Ngày 31 - 7 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Đình Nghệ.

Các Thẩm phán: Ông Võ Thái Sơn, ông Hồ Văn Luông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Trúc - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trương Thanh Triệu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 31/2023/TLPT-HS ngày 23 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo Phan Nguyễn Tuấn K và Phạm Thị Thái C do có kháng cáo của các bị cáo Phan Nguyễn Tuấn K và Phạm Thị Thái C đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2023/HS-ST ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phan Nguyễn Tuấn K; tên gọi khác: Không có; sinh ngày: 10/3/2001 tại: An Giang. Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; con ông Phan Ngọc T (còn sống) và bà Nguyễn Thị Thanh H (còn sống); chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 18/11/2022 đến ngày 22/11/2022 tạm giam cho đến nay. (Có mặt)

2. Phạm Thị Thái C; tên gọi khác: Không có; sinh ngày: 17/10/2000 tại: Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; con ông Phạm Quốc T1 (còn sống) và bà Trần Ngọc D (đã chết); chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 23/11/2022 cho đến nay. (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Phan Nguyễn Tuấn K và bị cáo Phạm Thị Thái C:

Luật sư Nguyễn Tấn T2 - Văn phòng Luật sư Phạm Văn C1 thuộc đoàn Luật sư tỉnh K; địa chỉ: Số D, H, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

Ngoài ra, còn có bị cáo Lê Trung T3 không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 8/2022 Lê Văn T4 truy cập mạng xã hội facebook nick name “Cậu Cả” thì có nick facebook tên “Tiền Tài” (do Phan Nguyễn Tuấn K sử dụng để rao bán tiền giả) kết bạn, trao đổi mua bán tiền giả tỷ lệ 01 triệu đồng tiền Việt Nam thật mua được 03 triệu đồng tiền Việt Nam giả. Sau đó, T4 đồng ý mua 30 triệu đồng tiền Việt Nam giả với giá 10 triệu đồng tiền Việt Nam thật, T4 cung cấp tên giả, địa chỉ và số điện thoại của T4 để K gửi tiền giả (tên “L”, địa chỉ: khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang, số điện thoại: 0899226252). Khoảng 14 giờ ngày 29/8/2022, K và Phạm Thị Thái C để 30 triệu đồng tiền Việt Nam giả trong 01 lon sữa lớn và để thêm 04 lon sữa nhỏ trong thùng giấy đóng gói dán kín lại, ghi đúng thông tin do T4 cung cấp, gửi hàng. Quá trình đóng gói tiền giả K có quay clip lại để gửi cho T4 xem, K mang thùng hàng đi gửi và gặp Trịnh Phong Đ (nơi thường trú: khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp) là bạn bè quen biết ngoài xã hội nên nhờ Đ chở đến bưu cục J (địa chỉ: ấp B, xã B, huyện L) để gửi thùng hàng cho T4 (Đ không biết trong thùng hàng có chứa tiền giả). K cung cấp thông tin người gửi hàng tên: Nguyễn Phát T5, số điện thoại: 0563935180, địa chỉ gửi hàng: huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Thông tin người nhận hàng tên: L (Lê Văn T4), số điện thoại: 0899226252, địa chỉ: khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang; Số tiền thu hộ là 10 triệu đồng. Đến ngày 31/8/2022, T4 nhận được thùng hàng của K gửi do nhân viên giao hàng bưu cục J&T thị xã L đến giao, khi nhận T4 mang thùng hàng vào nhà để kiểm tra, lấy 30 triệu đồng tiền giả xong, T4 mang thùng hàng ra nói với nhân viên giao không đúng hàng và yêu cầu hoàn trả lại. Kiệt nhẫn tin đòi tiền T4 yêu cầu cung cấp số tài khoản để T4 gửi tiền, K lấy số tài khoản 108870216699 ngân hàng V1 của Phạm Thị Thái C gửi cho T4. Sau khi lấy được 30 triệu đồng tiền Việt Nam giả, mệnh giá 500.000 đồng, T4 sợ bị phát hiện nên không dám tiêu thụ mà cất giấu tại chỗ ở của T4, địa chỉ: số A, tỉnh lộ 930, khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang. Đến khoảng 21 giờ ngày 06/10/2022, T4 mang 02 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng đến quán “Yến Nhi”, địa chỉ: khu V, phường T để nhậu, hát karaoke cùng với Trần Thanh T6 và Lư

Hoàng V. Đến khuya cùng ngày T4 về nhà ngủ, lúc này bà Lại Thị P (mẹ ruột của Lê Văn T4) nhặt được 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng không biết đó là tiền giả, thấy giống tiền đô la âm phủ nên xé thử thì tờ tiền rách ra làm hai, bà P đã vứt bỏ xuống sông và không nói cho T4 biết. Đến sáng hôm sau, T4 kiểm tra lại thì phát hiện chỉ còn lại 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng nên nghĩ đã sử dụng 01 tờ tiền giả để cho nhân viên của quán, T4 tiếp tục cất giấu tiền giả tại chỗ ở. Đến khoảng 21 giờ ngày 08/10/2022, T4 mang 59 tờ tiền Việt Nam giả mệnh giá 500.000 đồng đi cùng xe máy của Trần Thanh T6 đến quán “Điểm Nướng”, địa chỉ: khu V, phường T (T6 không biết T4 có tiền giả) để nhậu cùng với Huỳnh Chí C2. Đến khoảng 21 giờ 30 phút, T4 lấy 01 tờ tiền Việt Nam giả mệnh giá 500.000 đồng để mua trái cây với giá 20.000 đồng của chị Bùi Thị Kim L1 do không có tiền thối lại nên chị L1 mang tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng vào đưa cho chị Lê Huyền T7 (Chủ quán “Điểm N”) để đổi tiền mệnh giá nhỏ, chị T7 nghi ngờ là tiền giả nên yêu cầu nhân viên Trần Mỹ T8 mang tờ tiền nghi giả trả lại cho chị L1. Lúc này, chị L1 đưa tờ tiền nghi giả cho anh Huỳnh Chí C2 cùng kiểm tra, phát hiện tờ tiền T4 đã sử dụng là tiền giả. Khi bị phát hiện, T4 bỏ chạy ra khỏi quán, đồng thời vứt 58 tờ tiền giả còn cất giữ trong người bên đường (gần quán Đ), chị L1 nhặt được và cùng với anh C2 đem đến Công an thị xã L để giao nộp 59 tờ tiền giả, trình báo hành vi lưu hành tiền giả của Lê Văn T4.

Mở rộng điều tra nguồn tiền giả Lê Văn T4 có được, Cơ quan An ninh điều tra xác định: Nguồn cung cấp tiền giả do Phan Nguyễn Tuấn K và Phạm Thị Thái C bán cho T4. Ngày 17/11/2022, Cơ quan An ninh điều tra ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, ngày 18/11/2022 ra Quyết định tạm giữ và Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với K. Đến ngày 22/11/2022, Cơ quan An ninh điều tra ra Quyết định khởi tố bị can, ra Lệnh tạm giam đối với Phan Nguyễn Tuấn K và Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Phạm Thị Thái C.

Kết quả điều tra Phan Nguyễn Tuấn K và Phạm Thị Thái C khai nhận: Vào giữa tháng 8/2022, K bàn bạc, thống nhất với C về việc mua tiền giả của người khác về bán lại để kiếm lời. K lên mạng xã hội facebook tìm kiếm và mua tiền giả tại nick facebook “Shop tiền giả không cọc” 80 triệu đồng tiền Việt Nam giả với giá 10 triệu đồng tiền Việt Nam thật. Khoảng 03 ngày sau, một người nam (không biết họ tên, địa chỉ, không nhớ đặc điểm phương tiện và số điện thoại) đến giao tiền giả cho K nhận và trả 10 triệu đồng tiền Việt Nam thật tại địa chỉ: số H, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi nhận được tiền giả thì K và C đã mang tiền giả cất giấu tại chỗ ở, địa chỉ: số E, ấp T, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, K tạo nick facebook “Tiền Tài” để rao bán tiền giả. K và C đã bán tiền giả cho các khách hàng ở Vĩnh Long, Hải Phòng, Hậu Giang và thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau: Vào ngày 28/8/2022, K và C bán 03 triệu đồng tiền Việt

Nam giả với giá 01 triệu đồng tiền Việt Nam thật cho khách hàng ở tỉnh Vĩnh Long (tên: K1, địa chỉ: khóm V, khu dân cư T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long) và đã thu được 01 triệu đồng tiền Việt Nam thật; Cùng ngày 28/8/2022, K và C bán 09 triệu đồng tiền Việt Nam giả với giá 03 triệu đồng tiền Việt Nam thật cho khách hàng ở thành phố Hải Phòng (tên: A, địa chỉ: 1 Đ V, quận N, Hải Phòng) nhưng chưa nhận được 03 triệu đồng tiền Việt Nam thật; Đến ngày 29/8/2022, K và C bán 30 triệu đồng tiền Việt Nam giả với giá 10 triệu đồng tiền Việt Nam thật cho Lê Văn T4 và chưa nhận được 10 triệu đồng; Ngoài ra, K và C còn bán 06 triệu đồng tiền Việt Nam giả với giá 02 triệu đồng tiền Việt Nam thật cho khách hàng ở thành phố Hồ Chí Minh (không nhớ thông tin, địa chỉ người mua) và đã thu được 02 triệu đồng tiền Việt Nam thật. K và C đã bán được tổng cộng 48 triệu đồng tiền giả, thu được 03 triệu đồng tiền thật, số tiền thu được K và C đã sử dụng hết vào mục đích cá nhân.

Sau khi mua tiền giả, từ giữa tháng 8/2022, K và C đã cất giấu và bán lại tiền giả đến ngày 26/9/2022, K và C sợ bị phát hiện và thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật nên đã đốt số tiền giả còn lại (32 triệu đồng), đồng thời tiêu hủy điện thoại do K đã sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội.

- Tại bản Kết luận giám định số: 943/KL-KTHS ngày 13/10/2022 của Phòng K2, Công an tỉnh H kết luận: 59 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng cần giám định ký hiệu từ A1 đến A59 là tiền giả.

- Về nguồn gốc số tiền giả của Phan Nguyễn Tuấn K và Phạm Thị Thái C.

Theo lời khai của K và các tài liệu khác có liên quan cho thấy: Có một người nam (không biết họ tên, địa chỉ, không nhớ đặc điểm phương tiện và số điện thoại) đến giao tiền giả cho K nhận và trả 10 triệu đồng tiền Việt Nam thật tại địa chỉ: số H, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Quá trình điều tra, do điện thoại di động của K sử dụng để trao đổi với người bán tiền giả không còn (K đã vứt bỏ sau khi đốt tiền giả), không nhớ thông tin cá nhân, đặc điểm nhận dạng của người bán tiền giả và không có tài liệu, chứng cứ nào khác để xác minh để xác định đối tượng đã bán tiền giả cho K và C. Từ đó, không có cơ sở để truy tìm nguồn gốc cung cấp để điều tra mở rộng.

- Về số tiền giả Phan Nguyễn Tuấn K và Phạm Thị Thái C đã bán.

Quá trình điều tra xác định: Vào ngày 28/8/2022, K (lấy thông tin tên: Nguyễn Phát T5, số điện thoại: 0563935180) có gửi hàng hóa cho khách hàng tên: K1, địa chỉ: khóm V, khu dân cư T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long và khách hàng tên: A, địa chỉ: 1 Đ V, quận N, Hải Phòng; còn về lần gửi hàng cho khách hàng ở thành phố Hồ Chí Minh thì không có thông tin. Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh H đã phối hợp với các địa phương có liên quan để xác minh thông tin các

đơn hàng. Kết quả: Ngày 30/12/2022, Cơ quan An ninh điều tra, Công an thành phố H có Công văn số 79/CV-ANĐT và ngày 05/01/2023, Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh V có Công văn số 34/ANĐT-Đ2 trả lời: không xác định được đối tượng mua hàng của K và C. Đồng thời, Cơ quan điều tra không có tài liệu, chứng cứ nào khác nên không có cơ sở để khai thác, điều tra mở rộng vụ án, xử lý các đối tượng nêu trên.

- Đối với Trịnh Phong Đ: Đ có chở K đến bưu cục J để gửi thùng hàng. Đ không biết trong thùng hàng có chứa tiền giả và K mua bán tiền giả. Sau khi gửi hàng xong, K có cho Đ 100.000 đồng tiền đồ xăng xe và K không có nói cho Đ biết là K đã gửi hàng hóa gì. Do đó, Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với Trịnh Phong Đ.

- Đối với Trần Thanh T6 và Lư Hoàng V: Vào ngày 06/10/2022, Trần Thanh T6 và Lư Hoàng V có đi nhậu, hát karaoke tại quán “Yến Nhi” cùng bị cáo T4. Đến ngày 08/10/2022, T6 đi nhậu cùng T4 tại quán “Điểm Nướng”. Tuy nhiên, T6 và V không biết T4 mua tiền giả để tàng trữ, lưu hành. Do đó, Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với Trần Thanh T6 và Lư Hoàng V.

- Vật chứng vụ án:

+ 01 (một) túi niêm phong (bên trong có 59 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng).

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A15, số IMEI 1: 865613050800998, số IMEI 2: 865613050800980 đã qua sử dụng, màn hình bị nứt nhiều vị trí;

+ 01 (một) ví màu đen mặt ngoài có in chữ “BURBERRY ESTABLISHED 1856” đã qua sử dụng;

+ 01 (một) căn cước công dân số 093092005476, họ và tên: Lê Văn T4.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A17 màu xanh có số IMEI 1: 864867064919878, số IMEI 2: 864867064919860 đã qua sử dụng (MK: 666666);

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu đỏ, số IMEI: 356281926078086 đã qua sử dụng (MK: 838652);

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số IMEI 1: 357705108672489 đã qua sử dụng;

+ 01 (một) thẻ ATM ngân hàng V1 tên Phạm Thị Thái C, số thẻ: 9704150107028642;

+ 01 (một) thẻ ATM ngân hàng V2 tên Phan Nguyễn Tuấn K, số thẻ: 9704368613876916010;

+ 01 (một) thẻ ATM ngân hàng B tên Phan Nguyễn Tuấn K, số thẻ: 9704180125676734;

+ 01 (một) thẻ ATM ngân hàng V1 tên Phan Nguyễn Tuấn K, số thẻ: 9704150121770294;

+ 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 66 000372, tên chủ xe: Phạm Thị Thái C.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2023/HS-ST ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Hậu Giang quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Phan Nguyễn Tuấn K, Phạm Thị Thái C và Lê Văn T4 phạm “Tội tàng trữ, lưu hành tiền giả”.

1. Áp dụng: Khoản 2, khoản 5 Điều 207, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phan Nguyễn Tuấn K 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội tàng trữ, lưu hành tiền giả”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo là ngày 18/11/2022.

Phạt tiền đối với bị cáo Phan Nguyễn Tuấn K 20.000.000 đồng.

2. Áp dụng: Khoản 2, khoản 5 Điều 207, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Thái C 05 (năm) năm tù về “Tội tàng trữ, lưu hành tiền giả”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo là ngày 23/11/2022.

Phạt tiền đối với bị cáo Phạm Thị Thái C 10.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt đối với bị cáo Lê Trung T3, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/5/2023, các bị cáo Phan Nguyễn Tuấn K và Phạm Thị Thái C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Nguyễn Tuấn K, sửa bản án sơ thẩm, xử phạt bị cáo Phan Nguyễn Tuấn K mức án từ 05 (năm) đến 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Thái C, giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Phạm Thị Thái C.

Người bào chữa cho các bị cáo Phan Nguyễn Tuấn K và Phạm Thị Thái C đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Phan Nguyễn Tuấn K và Phạm Thị Thái C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Phan Nguyễn Tuấn K và Phạm Thị Thái C có đơn kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của các bị cáo phù hợp với quy định tại các Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phan Nguyễn Tuấn K và Phạm Thị Thái C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng và bản án sơ thẩm. Đối chiếu lời khai của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian giữa tháng 8/2022, các bị cáo Phan Nguyễn Tuấn K và Phạm Thị Thái C đã thống nhất cùng nhau thực hiện hành vi mua tiền giả để bán lại nhằm mục đích thu lợi bất chính. Sau khi mua tiền giả, các bị cáo K và C đã bán 30 triệu đồng tiền Việt Nam giả với giá 10 triệu đồng tiền Việt Nam thật cho Lê Văn T4 và Lê Văn T4 đã sử dụng một phần tiền giả này để thanh toán trong giao dịch dân sự với người khác. Với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện và trị giá tiền giả mà các bị cáo tàng trữ, lưu hành chứng minh được tương ứng từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng, cấp sơ thẩm truy tố, xét xử các bị cáo Phan Nguyễn Tuấn K, Phạm Thị Thái C và bị cáo không có kháng cáo là Lê Văn T4 về tội “Tội tàng trữ, lưu hành tiền giả” theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Phan Nguyễn Tuấn K và Phạm Thị Thái C, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo bị xét xử về tội “Tội tàng trữ, lưu hành tiền giả” theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Hình sự với khung hình phạt từ 05 năm tù đến 12 năm tù. Trong vụ án này, bị cáo K là người có vai trò cao hơn bị cáo C và bị cáo T4. Cả hai bị cáo K và C đều không đủ điều kiện để áp dụng quy định tại Điều 54 của Bộ luật Hình sự về quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Do đó, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo C mức án khởi điểm của khung hình phạt là 05 năm tù và xử phạt bị cáo K mức án 05 năm 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

[5] Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo K và C đã chấp hành xong toàn bộ quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt bổ sung và án phí, đối với bị cáo K có cung cấp chứng cứ chứng minh bị cáo đã tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện hành vi vi phạm pháp luật ở địa phương, được Công an xã B xác nhận. Tuy nhiên, xét thấy mức án mà cấp sơ thẩm xử phạt là đã có xem xét cho các bị cáo so với tính chất của từng bị cáo trong vụ án và không có căn cứ để tiếp tục giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật, do kháng cáo của các bị cáo không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về kháng cáo:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Nguyễn Tuấn K và bị cáo Phạm Thị Thái C.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt:

Tuyên bố: Các bị cáo Phan Nguyễn Tuấn K, Phạm Thị Thái C phạm tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả”.

Áp dụng: Khoản 2, khoản 5 Điều 207, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phan Nguyễn Tuấn K 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/11/2022.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền đối với bị cáo Phan Nguyễn Tuấn K số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Áp dụng: Khoản 2, khoản 5 Điều 207, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Thái C 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/11/2022.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền đối với bị cáo Phạm Thị Thái C số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

3. Về biện pháp ngăn chặn:

Căn cứ vào Điều 347 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tiếp tục tạm giam các bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để bảo đảm thi hành án.

4. Về án phí:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Phan Nguyễn Tuấn K và Phạm Thị Thái C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

5. Về các vấn đề khác:

Tiếp tục tạm giữ số tiền 20.200.000 (hai mươi triệu hai trăm nghìn) đồng bị cáo Phan Nguyễn Tuấn K nộp theo Biên lai thu tiền số 0001687 ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, tỉnh Hậu Giang và số tiền 10.200.000 (mười triệu hai trăm nghìn) đồng bị cáo Phạm Thị Thái C nộp theo Biên lai thu tiền số 0001688 ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, tỉnh Hậu Giang và giải quyết trong quá trình thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- CA tỉnh Hậu Giang (PV06, PC11);
- TAND, VKSND, CQĐT,
Chi cục THADS thị xã L;
- Công an xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: HSVA; THS; VP.

(Đã ký)

Trương Đình Nghệ